

KIM CƯƠNG GIỚI MAN ĐA LA

Phẩm IV

VI TÊ HỘI

SŪKṢMA-MANḌALA



Biên soạn: HUYỀN THANH

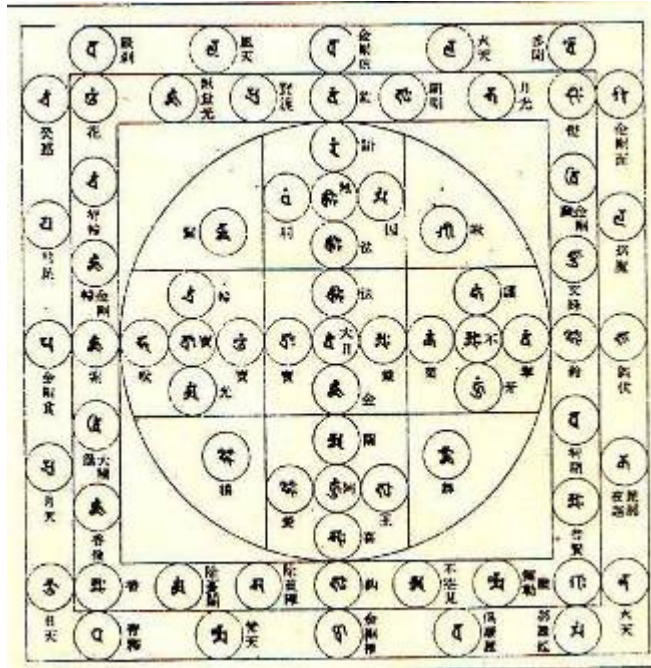
Bản cập nhật tháng 11/2014

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

VI TẾ HỘI (Sūksma)

Vi Tế Hội là Hội thứ ba trong 9 Hội của Hiện Đồ Kim Cương Giới Man Đa La, có vị trí ở góc bên phải của Hiện Đồ Man Đa La, tức là phương Đông Nam. Trong 4 loại Man Đa La là **Pháp Man Đa La** (Dharma-maṇḍala) tức các Tôn cùng nhập vào thân Tam Muội Gia của các chữ, dùng hiển nghĩa một Tôn có đầy đủ Đức của các Tôn, cho nên Man Đa La này biểu thị cho các Tôn có đầy đủ 5 Trí, Vô Tế Trí, Trí Dụng của trùng trùng vi tế, cộng chung là 73 Tôn. Trong đó có 53 Tôn trong Hội này an trụ trong chày Kim Cương Tam Cô đều trì Định Ấn, biểu thị cho *Trí Tuệ vi diệu* của chư Phật được dùng để giác ngộ hữu tình.





Chính giữa Hội là Vòng Kim Cương lớn gồm năm vòng Giải Thoát đại diện cho năm vị trí của 5 vị Phật là **Đại Nhật** (Vairocana), **A Súc Phật** (Akṣobhya), **Bảo Sinh Phật** (Ratna-saṃbhava), **Vô Lượng Thọ Phật** (Amitāyus), **Bất Không Thành Tựu Phật** (Amogha-siddhi) được được bao bởi ba hình vuông và giới hạn trong hình vuông thứ nhất.

_ Vòng tròn chính giữa là vị trí của **Đại Nhật Như Lai** (𑖀𑖂𑖄)

Chung quanh là bốn vị Ba La Mật Bồ Tát (Pāramitā-bodhisatva) gồm có:

Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄)

Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Đông là vị thế của **A Súc Như Lai** (𑖀𑖂𑖄)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Vương (Vajra-rāja) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Ái (Vajra-rāga) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Hỷ (Vajra-sādhu) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Nam là vị thế của **Bảo Sinh Như Lai** (𑖀𑖂𑖄)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Bảo (Vajra-ratna) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Quang (Vajra-Teja) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Tràng (Vajra-ketu) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Tiểu (Vajra-hāsa) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Tây là vị thế của **Vô Lượng Thọ Như Lai** (𑖀𑖂𑖄)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-bodhisatva) là:

Kim Cương Pháp (Vajra-dharma) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Lợi (Vajra-tikṣṇa) (𑖀𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄)

Kim Cương Nhân (Vajra-hetu) (𠄎)

Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa) (𠄎)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Bắc là vị thế của **Bát Không Thành Tựu Như Lai**

(𠄎)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma) (𠄎)

Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa) (𠄎)

Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa) (𠄎)

Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi) (𠄎)

Giữa bốn vòng Giải Thoát là bốn vị Kim Cương Nữ (Vajrī) là:

Kim Cương Hyù (Vajra-lāsī) (𠄎)

Kim Cương Man (Vajra-mālā) (𠄎)

Kim Cương Ca (Vajra-gītā) (𠄎)

Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye) (𠄎).

_ Trong hình vuông thứ hai gồm có 4 Ngoại Cúng Đường, 4 Nhiếp, 16 Bồ Tát đời Hiền Kiếp

Ở bốn góc của hình vuông có 4 vị Kim Cương Nữ là:

Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhūpa) (𠄎)

Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa) (𠄎)

Kim Cương Đăng (Vajra-Āloka) (𠄎)

Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha) (𠄎)

Giữa 4 vị Nữ Cúng Đường là :

.) Phương Đông có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Trừ Ưu Âm Bồ Tát (𠄎)

Trừ Cái Chướng Bồ Tát (𠄎)

Kim Cương Câu (Vajra-aṃkuśa) (𠄎)

Bát Không Kiến Bồ Tát (𠄎)

Di Lặc Bồ Tát (𠄎)

.) Phương Nam có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Trí Tràng Bồ Tát (𠄎)

Kim Cương Tràng Bồ Tát (𠄎)

Kim Cương Sách (Vajra-pāśa) (𠄎)

Đại Tinh Tiến Bồ Tát (𠄎)

Hương Tượng Bồ Tát (𠄎)

.) Phương Tây có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Vô Lượng Quang Bồ Tát (𠄎)

Hiền Hộ Bồ Tát (𠄎)

Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa) (𠄎)

Võng Minh Bồ Tát (𠄎)

Nguyệt Quang Bồ Tát (𠄎)

.) Phương Bắc có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Kim Cương Tạng Bồ Tát (𠄎)

Văn Thù (𠄎) (?Vô Tận Ý Bồ Tát)

Kim Cương Linh (Vajrāveśa) (𑖀𑖄)
Trí Tích Bồ Tát (𑖀𑖄) (?Văn Thù Bồ Tát)
Phổ Hiền Bồ Tát (𑖀𑖄)

_ Trong hình vuông thứ ba là 20 vị Hộ Pháp (Dharma-pāla) được xếp loại trong 5 cõi Trời tại bốn phương như sau:

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

Đế Thích (Śakra) (𑖀𑖄)

Phạm Thiên (Brahma) (𑖀𑖄)

Kim Cương Tội (Vajra-vikiraṇa) (𑖀𑖄)

Câu Ma La (Kumāra) (𑖀𑖄)

Na La Diên (Nārāyaṇa) (𑖀𑖄)

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

Huỳnh Hoạch (Piṅgala) (𑖀𑖄)

Tuệ Tinh (Ketu) (𑖀𑖄)

Kim Cương Thực (Vajra-bhakṣam) (𑖀𑖄)

Nguyệt Thiên (Candra) (𑖀𑖄)

Nhật Thiên (Āditya) (𑖀𑖄)

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

La Sát (Rākṣasa) (𑖀𑖄)

Phong Thiên (Vāyu) (𑖀𑖄)

Kim Cương Y (Vajra-vaśi) (𑖀𑖄)

Hỏa Thiên (Agni) (𑖀𑖄)

Đa Văn (Vaiśravaṇa) (𑖀𑖄)

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

Kim Cương Diện (Vajra-mukha) (𑖀𑖄)

Diêm Ma (Yama) (𑖀𑖄)

Điều Phục (Vajra-jaya) (𑖀𑖄)

Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) (𑖀𑖄)

Thủy Thiên (Varuṇa) (𑖀𑖄)

1_ Đại Nhật Như Lai (Vairocana):

Chữ chung tử là: VAM (𑖀𑖄)

Tôn Hình: Thân an đặt ở chày Tam Cổ, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ सुक्ष्म वज्रज्ञेय समय हूं

OM_ SŪKṢMA-VAJRA -JÑĀNA-SAMAYA HŪM

2_ Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chung tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Thân ở trong chày Tam Cổ, tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Ngũ Cổ, tay phải tác Xúc Địa Ấn.



Chân Ngôn là:

सत्त्व वज्री सुक्ष्मज्ञेय समय हूं

SATVA-VAJRĪ SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪM

3_ Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chung tử là: TRĀḤ (ॐ)

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ Nguyên Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र सुक्ष्मज्ञेय सत्त्व ॐ

RATNA-VAJRĪ SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA TRĀḤ

4_ Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chung tử là: HRĪḤ (ॐ)

Tôn Hình: Tay kết Di Đà Định Ấn, bên trên có chày Độc Cổ.



Chân Ngôn là:

८५८३ सुक्ष्मं न समयः

DHARMA-VAJRĪ SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HRĪḤ

5_ Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chung tử là: AH (ॠ).

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có chày Độc Cổ Yết Ma, tay phải trì Kiếm Ân.



Chân Ngôn là:

१५८३ सुक्ष्मं न समयः

KARMA-VAJRĪ SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA AH

6_ A Súc Như Lai (Akṣobhya):

Chữ chung tử là: HŪM (ॡ)

Tôn Hình: Tay trái hướng tâm lòng bàn tay lên trên, tay phải kết Xúc Địa Ân.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रसत् सुक्ष्मं न समयः

OM_ VAJRA-SATVA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HŪM

7_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva):

Chữ chung tử là: A (ॠ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:
𑖀𑖩𑖫𑖞𑖩𑖫
VAJRA-ĀTMAKA

8_ Kim Cương Vương (Vajra-rāja):
Chữ chủng tử là: JAḤ (𑖀𑖩𑖫𑖞𑖩𑖫)
Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:
𑖀𑖩𑖫𑖞𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫
HRDA VAJRA-AMKUŚA

9_ Kim Cương Ái (Vajra-rāga):
Chữ chủng tử là: HOḤ (𑖀𑖩𑖫𑖞𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫)
Tôn Hình: Tay cầm cung tên, tựa thế bắn tên



Chân Ngôn là:
𑖀𑖩𑖫𑖞𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫𑖩𑖫
TIṢṬA RĀGA-VAJRA PRAVEŚA HRDAYAM

10_ Kim Cương Hỷ (Vajra-sādhu):

Chữ chú ngữ là: SAḤ (𑖰𑖩).

Tôn Hình: Tương tự Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖰𑖩𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵

AHO VAJRA TUṢṬI

11_ Bảo Sinh Như Lai (Ratna-sambhava):

Chữ chú ngữ là: TRĀḤ (𑖳𑖴).

Tôn Hình: Tương tự Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM_ VAJRA-RATNA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪM

12_ Kim Cương Bảo (Vajra-ratna):

Chữ chú ngữ là: OM (𑖳)

Tôn Hình: Tay trái kết Dữ Nguyệt Ấn bên trên có Tam Biện Bảo Châu rực lửa sáng.



Chân Ngôn là:

वज्र रत्न अट्मका हृदये

VAJRA-RATNA ĀTMAKA HRDAYA

13_ Kim Cương Quang (Vajra-Teja):

Chữ chúng tử là: AM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay để trước ngực nâng vành mặt trời



Chân Ngôn là:

वज्रसूर्य (ॐ)

VAJRA-SŪRYA TIṢṬA

14_ Kim Cương Tràng (Vajra-ketu):

Chữ chúng tử là: TRAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm cây phước báu Như Ý



Chân Ngôn là:

वज्रध्वजा अग्रा वाम

VAJRA-DHVAJA-AGRA VAM

15_ Kim Cương Tiểu (Vajra-hāsa):

Chữ chúng tử là: HA (ॐ)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, hai quyền để bên miệng.



Chân Ngôn là:

हृदय वज्रहंस

HRDAYA VAJRA-HĀSA

16_ Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॡः)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रधर्म सुक्ष्म ज्ञान समया हूं

OM_ VAJRA-DHARMA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HŪM

17_ Kim Cương Pháp (Vajra-dharma):

Chữ chủng tử là: HRĪḤ (ॡः)

Tôn Hình: Tay trái để trên đầu gối giữa lòng bàn tay, tay phải kết Thuyết Pháp

Ấn.



Chân Ngôn là:

वज्रपद्म आत्मिका

VAJRA-PADMA-ĀTMAKA

18_ Kim Cương Lợi (Vajra-tīkṣṇa):

Chữ chung tử là: DHAM (ँ)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

हृद वज्रकोश

HRDA VAJRA-KOŚA

19_ Kim Cương Nhân (Vajra-hetu):

Chữ chung tử là: MAM (ँ)

Tôn Hình: Hai tay cầm bánh xe Pháp



Chân Ngôn là:

तिष्ठ वज्रचक्र हृदय प्रवेश

TIṢṬA VAJRA-CAKRA HRDAYAṀ PRAVEŚA

20_ Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa):

Chữ chung tử là: RAṀ (ँ)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền để ở eo, Tay phải kết Thí Vô Úy Ấn.



Chân Ngôn là:

वज्रजिह्वा अग्रा हृदये

VAJRA-JĪHVA AGRA HṚDAYA

21_ Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi):

Chữ chung tử là: AH (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकरा सुक्ष्मज्ञानसमया हूं

OM_ VAJRA-KARMA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HŪM

22_ Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma):

Chữ chung tử là: KAM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

सर्ववज्रआत्मका

SARVA VAJRA ĀTMAKA

23_ Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa):

Chữ chủng tử là: HĀM (𑖦)

Tôn Hình: Tay trái nắm Kim Cương Quyền duỗi ngón trỏ, tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖩𑖫𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱

HRDA VAJRA-KAVACA

24_ Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa):

Chữ chủng tử là: HŪM (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay tác Kim Cương Quyền, hướng tâm quyền vào bên trong, tay trái duỗi ngón cái, ngón út như hình răng nanh. Tay phải ngón cái, ngón trỏ cùng vịn nhau.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖩𑖫𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱

TIṢṬA VAJRA-YAKṢA HRDAYA

25_ Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi):

Chữ chủng tử là: VAM (𑖦)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖦𑖩𑖫𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱

VAJRA-MUṢṬI HRDAYA

26_ Kim Cương Hý (Vajra-lāsī):

Chữ chung tử là: HOḤ (ॐ)

Tôn Hình: Tay trái tác Kim Cương Quyền úp ở cạnh eo, tay phải tác Kim Cương Quyền ngửa lên để cạnh eo



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रलसी सूक्ष्मज्ञानसमया ॐ

VAJRA-LĀSĪ SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA HOḤ

27_ Kim Cương Man (Vajra-mālā):

Chữ chung tử là: TRATḤ (ॐ)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला सूक्ष्मज्ञानसमया ॐ

VAJRA-MĀLE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA TRATḤ

28_ Kim Cương Ca (Vajra-gītā):

Chữ chung tử là: GI (ॐ)

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रग सुक्ष्म ज्ञानसमय ग

VAJRA-GĪTE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA GI

29_ Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye):

Chữ chủng tử là: KṚṬ (𑖕).

Tôn Hình: Lược đồng với Thành Thân Hội, làm dạng nhảy múa.



Chân Ngôn là:

वज्रनृत्य सुक्ष्म ज्ञानसमय कृत्

VAJRA-NṚTYE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA KṚṬ

30_ Kim Cương Phân Hương (Vajra-dhūpa):

Chữ chủng tử là: AḤ (𑖦).

Tôn Hình: Cầm lò hương của hình hoa sen



Chân Ngôn là:

वज्रधूप सुक्ष्म ज्ञानसमय अह

VAJRA-DHŪPE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA AḤ

31_ Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa):

Chữ chủng tử là: OM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रपुष्प सुक्ष्म ज्ञान समय उं

VAJRA-PUṢPE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA OM

32_ Kim Cương Đẳng (Vajra-Āloka):

Chữ chủng tử là: DĪḤ (ॡ)

Tôn Hình: Hai tay cầm cái đài nến, quỳ gối ngồi.



Chân Ngôn là:

वज्रालोक सुक्ष्म ज्ञान समय ॡ

VAJRA-ĀLOKE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA DĪḤ

33_ Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha):

Chữ chủng tử là: GAḤ (ॢ)

Tôn Hình: Tay phải để ngang ngực, tay trái cầm vật đựng hương.



Chân Ngôn là:

वज्रगन्ध सुक्ष्म व समय ग

VAJRA-GANDHE SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA GAḤ

34_ Trừ Ưu Âm Bồ Tát (Śokatamo-nirghatana):

Chữ chung tử là: AM (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, quyền trái để ngang eo, tay phải cầm cành cây.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व शोकता निघाता मया स्वहा अम

OM_SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTA MATAYE SVĀHĀ _ AM

35_ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva-nivaraṇa-ṣkaṃbhin):

[Bản khác ghi là Diệt Ác Thú Bồ Tát (Sarva-apāya-jaha)]

Chữ chung tử là: SA (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa lòng bàn tay ở rốn, tay phải cầm hoa sen bên trên có rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp)



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व अपया जाहाया स्वहा सा

OM_SARVA APĀYA-JAHĀYA SVĀHĀ _ SA

36_ Kim Cương Câu (Vajra-amkuśa):

Chữ chung tử là: JAḤ (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, tay trái để ở eo, nắm quyền duỗi ngón trỏ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुंज सुक्ष्म ज्ञानसमया ज्ञ

VAJRA-AMKUSA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA JAḤ

37_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśin):

Chữ chung tử là: A (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa lòng bàn tay ở rốn, tay phải cầm đài sen bên trên có chày Độc Cổ, hai bên eo chày có con mắt.



Chân Ngôn là:

ॐ अमोघा दारसानया स्वहा अ

OM_ AMOGHA DARŚANĀYA SVĀHĀ_ A

38_ Di Lạc Bồ Tát (Maitreya):

Chữ chung tử là: MAI (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái ngửa trước rốn cầm bình Quân Trì, tay phải đề nắp bình.



Chân Ngôn là:

ॐ मित्रेयय स्वहा म

OM_MAITREYĀYA SVĀHĀ_MAI

39_ Trí Tràngng Bồ Tát (Jñāna-ketu):

Chữ chung tử là: TRAM (३)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm phan phương Như Ý, tay trái để ngang eo nắm quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ ज्ञानकेतुवे स्वहा ३

OM_JÑĀNA-KETUVE SVĀHĀ_TRAM

40_ Kim Cương Tràngng Bồ Tát (Vajra-ketu):

[Bản khác ghi là Hư Không Tạng Bồ Tát (Gagana-gaṅja: Hư Không Khô)]

Chữ chung tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, lòng bàn tay phải cầm viên ngọc báu Như Ý, tay trái để ngang eo nắm quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ गगन गङ्जय स्वहा ॐ

OM_GAGANA-GAÑJĀYA SVĀHĀ_HŪM

41_ Kim Cương Sách (Vajra-pāsa):

Chữ chung tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रपाश सुक्ष्म ज्ञानसमय ह्रूं

VAJRA-PĀŚA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HŪṂ

42_ Đại Tinh Tiến Bồ Tát (Śūra hay Śūraṅgama):

Chữ chủng tử là: VI (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm cây kích Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ सुराय स्वहा ॥

OM_ ŚŪRĀYA SVĀHĀ_ VI

43_ Hương Tượng Bồ Tát (Gandha-hāstin):

Chữ chủng tử là: HŪṂ (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, bên trên sen có một cái bát. Tay phải để cạnh eo tác quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ गन्धाहस्ति स्वहा हुं
OM_GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ_HŪM

44_ Vô Lượng Quang Bồ Tát (Amita-prabha):

Chữ chung tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt đỏ, tay phải cầm hoa sen, trên sen có ánh sáng. Tay trái úp lòng bàn tay để cạnh eo.



Chân Ngôn là:

ॐ अमिग प्रद्य ह्नुं
OM_AMITA-PRABHA SVĀHĀ_HŪM

45_ Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla):

Chữ chung tử là: PRA (५)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải ngửa lòng bàn tay nằm ngang, bên trên để cái Hiền Bình. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ ब्रह्मलया ह्नुं
OM_BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ_PRA

46_ Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa):

Chữ chung tử là: VAM (ॳ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

वज्रफुट सुक्ष्म ज्ञानसमय वं

VAJRA-SPHOTA SŪKṢMA- JÑĀNA-SAMAYA VAM

47_ Vông Minh Bồ Tát (Jālinī-prabha):

[Bản khác ghi là Quang Vông Bồ Tát]

Chữ chung tử là: JAḤ (𑖗)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm lưới vông, tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ जालिनी प्रभा स्वहा जह

OM_ JĀLINĪ-PRABHĀYA SVĀHĀ _ JAḤ

48_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Chữ chung tử là: BHA (𑖧)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm giữ vành trăng, tay trái nắm quyền để cạnh eo.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र प्रभया स्वहा

OM_CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ_BHA

49_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha):

Chữ chú ngữ là: VI (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu. tay trái úp lòng bàn tay xuống.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र गरभया स्वहा

OM_VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ_VI

50_ Văn Thù (Mañjuśrī) :

[Bản khác ghi là Vô Tận Ý Bồ Tát (Akṣaya-mati)]

Chữ chú ngữ là: JŃA (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay phải cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

ॐ अक्षय मति स्वहा

OM_AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ_JŃA

51_ Kim Cương Linh (Vajra-aveśa):

Chữ chú ngữ là: HOḤ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hộì.



Chân Ngôn là:

𑖦𑖳𑖫𑖻𑖂𑖨𑖩𑖯𑖪𑖭𑖭𑖥𑖱𑖴𑖯𑖩𑖮

VAJRA-GHAṂṬA SŪKṢMA-JÑĀNA-SAMAYA HOḤ

52_ Trí Tích Bò Tát (Pratibhāna-kuṭa)

[Bản khác ghi là Văn Thủ Bò Tát (Mañjuśrī) hay Biện Tích Bò Tát]

Chữ chung tử là: VA (𑖦)

Tôn Hình: Thân màu xanh lơ, tay phải cầm hoa sen, trên sen có đám mây. Tay trái nắm quyền để ngang eo.



Chân Ngôn là:

𑖠𑖫𑖭𑖭𑖥𑖱𑖴𑖯𑖩𑖮𑖱𑖴𑖯𑖩𑖮𑖦

OM_PRATIBHĀNA-KUṬĀYA SVĀHĀ_VA

53_ Phổ Hiền Bò Tát (Samanta-bhadra):

Chữ chung tử là: AH (𑖬)

Tôn Hình: Thân màu thịt trắng, tay trái nắm quyền để ngang eo. tay phải cầm cây kiếm.



Chân Ngôn là:

𑖠𑖫𑖭𑖭𑖥𑖱𑖴𑖯𑖩𑖮𑖱𑖴𑖯𑖩𑖮𑖬

OM_SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ_AH

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

54_ Đế Thích Thiên (Śakra):

Chữ chủng tử là: DHA (॑)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयुध सूह द

OM_VAJRA-YUDHA SVĀHĀ_DHA

55_ Phạm Thiên (Brahma):

Chữ chủng tử là: MAI (॑)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमय सूह म

OM_VAJRA-MAUNA SVĀHĀ_MAI

56_ Kim Cương Tội Thiên (Vajra-vikiraṇa):

Chữ chủng tử là: NḌA (॑)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह सूह ण

OM_VAJRA-GŪḌHA SVĀHĀ_NḌA

57_ Câu Ma La Thiên (Kumāra):

Chữ chủng tử là: VA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖠 𑖦𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖰

OM_VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ_VA

58_ Na La Diên Thiên (Nārāyaṇa):

Chữ chủng tử là: MAM (𑖓)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

𑖠 𑖦𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖰𑖱

OM_BALA-VAJRA SVĀHĀ_MAM

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

59_ Huỳnh Hoặc (Piṅgala):

Chữ chủng tử là: TRAM (𑖔)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गल स्वहा त्रं

OM _ VAJRA-PINGALA SVĀHĀ _ TRAM

60_ Tuệ Tinh Thiên (Ketu):

Chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसल स्वहा य

OM _ VAJRA-MUSALA SVĀHĀ _ YA

61_ Kim Cương Thực Thiên (Vajra-bhakṣam):

Chữ chủng tử là: PA (𑖣)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây kiếm, còn lại lược đồng với Thành Thân Hội.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाल स्वहा प

OM _ VAJRA-MĀLA SVĀHĀ _ PA

62_ Nguyệt Thiên (Candra):

Chữ chủng tử là: PRA (𑖢)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रबुध स्वहा प्र

OM_VAJRA-PRABHA SVĀHĀ_PRA

63_Nhật Thiên (Āditya):

Chữ chung tử là: KU (कु)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुण्डलि स्वहा कु

OM_VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ_KU

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

64_La Sát Thiên (Rākṣasa):

Chữ chung tử là: VA (व)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्ड स्वहा व

OM_VAJRA-DANḌA SVĀHĀ_VA

65_ Phong Thiên (Vāyu):

Chữ chung tử là: LA (ॡ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रंिला स्वहा ला

OM_VAJRĀNILA SVĀHĀ_LA

66_ Kim Cương Y Thiên (Vajra-vaśi):

Chữ chung tử là: VA (ॢ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवशि स्वहा व

OM_VAJRA-VAŚI SVĀHĀ_VA

67_ Hỏa Thiên (Agni):

Chữ chung tử là: LA (ॡ)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây gậy, tay phải cầm viên ngọc.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रानला स्वहा ल

OM _ VAJRA-ANALA SVĀHĀ_ LA

68_ Đa Văn (Vaiśravaṇa):

Chữ chung tử là: VAI (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रभैरव स्वहा वै

OM _ VAJRA- BHAIRAVA SVĀHĀ_ VAI

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

69_ Kim Cương Diện Thiên (Vajra-mukha):

Chữ chung tử là: ŚA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश स्वहा श

OM _ VAJRĀMKUŚA SVĀHĀ_ ŚA

70_ Diêm Ma Thiên (Yama):

Chữ chung tử là: LA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकाल स्वहा ल

OM_VAJRA-KĀLA SVĀHĀ_LA

71_ Điều Phục Thiên (Vajra-jaya):

Chữ chủng tử là: JA (𑖗)

Tôn Hình: Tay phải cầm cây kiếm, tay trái nắm quyền để ở eo.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा ल

OM_VAJRA-JAYA SVĀHĀ_JA

72_ Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka):

Chữ chủng tử là: KA (𑖕)

Tôn Hình: Tay phải cầm rẽ củ cải, tay trái cầm viên Hoan Hỷ.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं गौं हूं स्वहां कौं

OM_HRĪḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ_KA

73_ Thủy Thiên (Varuna):

Chữ chủng tử là: NA (३)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội



Chân Ngôn là:

ॐ नमो वाज्रं स्वहां नमो

OM_NĀGA-VAJRA SVĀHĀ_NA